TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2023/DS-ST Ngày: 01- 03 - 2023 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hạnh

2. Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Tấn Q, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn AT, xã PA, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: tổ dân phố B, phường NN, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Huỳnh Xuân N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 94, CVA, tổ dân phố A, phường NN, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung, tại bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn ông Lê Tấn Q là ông Nguyễn Tấn H trình bày:

Từ chỗ quen biết nên ông Huỳnh Xuân N có đến nhà ông Lê Tấn Q hỏi vay tiền để làm ăn. Ông Quang cho ông N vay 2 lần. Lần thứ nhất vào ngày 18/4/2020 vay 10.000.000 đồng, lãi 1 %/tháng, thời hạn vay 1 tháng; lần thứ hai vào ngày 31/10/2020 vay 10.000.000 đồng, lãi 1 %/tháng, thời hạn vay đến 31/12/2020. Mục đích ông N vay để làm ăn kinh tế. Đến hạn trả nợ nhưng ông N né tránh không chịu trả. Ông Quang đã nhiều lần đến nhà ông N đòi nợ nhưng ông N không trả. Do vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân ông N phải trả cho ông Quang 20.000.000 đồng tiền gốc. Về tiền lãi: ông Quang không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Quang N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N không có văn bản ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự như không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh Xuân N phải trả cho ông Lê Tấn Q 20.000.000 đồng. Về tiền lãi: không yêu cầu nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Lê Tấn Q có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Huỳnh Xuân N ở tổ dân phố A, phường NN, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Xuân N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn thì bị đơn ông Huỳnh Xuân N vay hai lần với số tiền 20.000.000 đồng và chưa trả số tiền nợ này.

Theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 18/4/2020 thể hiện ông Huỳnh Xuân N vay của ông Lê Tấn Q 10.000.000 đồng thời hạn vay 1 tháng kể từ ngày vay.Theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 31/10/2020 thể hiện ông Huỳnh Xuân N có vay của ông Quang 10.000.000 đồng, thời hạn vay 2 tháng kể từ ngày vay. Cả hai giấy vay do ông N ký tên mượn tiền.

Như vậy có cơ sở xác định ông N có vay ông Quang 20.000.000 đồng, hợp đồng vay có kỳ hạn, giao dịch của hai bên phù hợp theo quy định tại Điều 463, 470 Bộ luật dân sự. Sau khi vay ông N không thực hiện việc trả nợ theo cam kết mà bỏ đi khỏi địa phương, cố tình giấu địa chỉ, không thông tin cho ông Quang biết nơi cư trú hiện tại của mình. Trong quá trình Tòa án giải quyết đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng phía ông N không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn. Việc bị đơn không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, do vậy việc nguyên đơn ông Quang yêu cầu ông N phải trả 20.000.000 đồng tiền gốc là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về tiền lãi, trong giấy mượn tiền không thể hiện, nguyên đơn cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Huỳnh Xuân N phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh Xuân N phải trả cho ông Lê Tấn Q 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng).*

Về tiền lãi: Không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án chậm thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Xuân N phải chịu 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Tấn Q 500.000 đồng *(năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004076 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Hồng Mỹ